

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/DS-PT
Ngày 06-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 739/2025/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976; địa chỉ: số B ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số B ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Minh V: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1984; địa chỉ: số E khu phố P, Phường A, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ: số E ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số E ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đoàn Văn T2, sinh năm 1961; địa chỉ: số E ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số E ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Đoàn Vũ B, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Minh V – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trước đây (do đã lâu nên không xác định được thời gian cụ thể), bà Nguyễn Thị T1 có hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản nuôi tôm bằng lời nói (không lập thành văn bản, không có người làm chứng) với cửa hàng thức ăn thủy sản của ông Phạm Minh V do ông V làm chủ. Bên bán là ông V còn bên mua là bà T1, hình thức mua bán là bao vụ, tức là khi nào bên mua là bà T1 thu hoạch vụ tôm xong thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán cho bên bán là ông V. Khi có yêu cầu đặt hàng từ phía gia đình bà T1 thông báo đến cửa hàng của ông V thì ông V hoặc nhân viên của ông V trực tiếp giao hàng đến ao nuôi của bà T1, khi giao hàng xong thì bên mua có ký tên nhận hàng vào sổ theo dõi mua bán của ông V. Khi bán xong hết vụ nuôi thì bên ông V và bên bà T1 tổng kết lại số tiền nợ của vụ nuôi trên cơ sở của sổ theo dõi mua bán và khi tổng kết nợ xong thì ông V giao hết sổ theo dõi mua bán cho bên bà T1 giữ, ông V không có giữ. Quá trình mua bán thì phía bà T1 có thanh toán tiền nợ cho ông V nhưng thanh toán không đầy đủ. Tính đến ngày 14/9/2022 bà T1 còn nợ ông V tổng số tiền 166.736.000 đồng (trong đó gồm: nợ cũ là 140.758.000 đồng, nợ mới 25.978.000 đồng), bà T1 có ký tên vào giấy Biên nhận ngày 14/9/2022 do ông V tự viết, tuy nhiên bà T1 ký tên vào ngày bà T1 trả cho ông 23.000.000 đồng là ngày 14/10/2022. Sau đó, bà T1 có thanh toán cho ông V được 02 lần (lần 1 là 23.000.000 đồng, lần 2 là 2.978.000 đồng) tổng số tiền là 25.978.000 đồng, số tiền còn lại là 140.758.000 đồng đến nay bà T1 chưa thanh toán cho ông V.

Do bà T1 mua thức ăn nuôi tôm để phục vụ kinh tế gia đình. Ông Đoàn Văn T2 là chồng hợp pháp của bà T1 nên ông T2 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 để thanh toán tiền nợ cho ông V theo quy định.

Ông V không đồng ý lời trình bày của bà T1 cho rằng bà không có mua thức ăn của ông V, không có nợ tiền mua bán thức ăn của ông V. Bà T1 cho rằng ông Đoàn Vũ B mới là mua bán thức ăn với ông V, bà T1 chỉ là người trả nợ thay cho ông B thì ông V cũng không đồng ý. Ông V khẳng định ông V chỉ hợp đồng mua bán thức ăn với bà T1 và bà T1 có ký tên vào “Biên nhận” ngày 14/9/2022 do ông V cung cấp cho Tòa án. Việc bà T1 trả tiền cho ông V thì đây

chính là tiền nợ của bà T1 trả cho ông V, không phải nợ của ông B. Ông B không có hợp đồng mua bán thức ăn với ông V và đến thời điểm hiện tại thì ông V xác định ông B không có nợ tiền mua bán với ông V. Ông V không có yêu cầu trách nhiệm trả nợ của ông Đoàn Vũ B trong vụ án này.

Ông Phạm Minh V rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng. Đây là ý kiến tự nguyện của ông V.

Nay ông Phạm Minh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Đoàn Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 140.758.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà T1 và ông Đoàn Văn T2 là vợ chồng hợp pháp. Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bởi vì bà không có mua bán thức ăn thủy sản với ông V như ông V trình bày. Bà và ông T2 có nuôi tôm nhưng từ trước đến nay chỉ nuôi theo hình thức nuôi tự nhiên (nuôi quảng canh), rất ít khi mua thức ăn cho tôm và khi bà mua thức ăn thì bà cũng không có mua thức ăn của ông V.

Theo bà T1 thì trước đây con ruột bà tên Đoàn Vũ B có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi thủy sản để nuôi tôm với ông V, hai bên thỏa thuận mua bán như thế nào bà không biết, bà chỉ biết ông V là bên bán còn ông B là bên mua. Do việc nuôi tôm không thuận lợi nên hiện tại ông B không còn mua bán thức ăn với ông V. Khi kết thúc mua bán thì giữa ông B và ông V có tổng kết nợ lại hay không thì bà không biết, bà chỉ nghe ông B nói lại là có nợ ông V khoảng 100.000.000 đồng. Do ông Bình thường X đi làm vắng nhà nên trước đây ông B có đưa tiền cho bà để bà đi trả tiền cho ông V thay cho ông B, bà trả cho ông V 02 lần tiền để trả thay cho ông B với số tiền là 25.978.000 đồng, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ thời gian trả tiền cho ông V. Khi bà trả tiền cho ông V thì bà có ký tên của bà vào Biên nhận viết tay do ông V cung cấp cho Tòa án, việc bà ký tên là do ông V kêu bà ký, tuy nhiên mục đích ký tên là để bà trả tiền thay cho ông B, khi ký tên bà không có để ý là ông V có ghi nội dung gì phía bên trên chữ ký của bà. Việc bà không có mua thức ăn của ông V có chứng cứ xác nhận của những người làm chứng đã cung cấp cho Tòa án. Từ năm 2016 cho đến nay bà T1 cùng chồng bà có hợp đồng thuê đất trong khuôn viên bến phà M để buôn bán nên không có việc vợ chồng bà nuôi tôm số lượng lớn và cũng không có việc mua thức ăn nuôi thủy sản của ông V.

Đối với Biên nhận ngày 14/9/2022 do ông V cung cấp, bà T1 khẳng định việc bà ký tên là chỉ để xác nhận bà có trả tiền thức ăn thay cho con bà là ông B chứ hoàn toàn bà không có nợ tiền mua bán thức ăn của ông V, trước khi ký tên

bà có ghi chữ “vụ tôm sau 2 đợt sau T1 – Nguyễn Thị T1” là để trả số tiền 25.978.000 đồng cho ông B và chia thành 02 lần trả. Trong biên nhận này thì ông V là người tự viết nội dung bà có nợ tiền thức ăn của ông V nhưng bà không thừa nhận có nợ tiền của ông V.

Do bà và chồng bà là ông Đoàn Văn T2 không có nợ tiền mua bán thức ăn của ông V nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Bà Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T2 trình bày:

Ông Đoàn Văn T2 thống nhất với lời trình bày của bà T1. Ông T2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V. Ông T2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn B vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V đối với yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán là 140.758.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 05/9/2025, ông Phạm Minh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Hữu T là người đại diện của nguyên đơn ông Phạm Minh V trình bày, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Căn cứ ông V chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là biên nhận ngày 14/9/2022, ngoài ra không còn căn cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Minh V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long.

Về án phí dân sự: Ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Minh V nộp trong hạn luật định, phù hợp quy định Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị T1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Ông Đoàn Văn T2, ông Đoàn Vũ B có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Minh V:

[2.1] Ông V khởi kiện yêu cầu bà T1, ông T2 phải thanh toán tiền mua thức ăn còn nợ số tiền 140.758.000 đồng. Ông V cho rằng số nợ trên là do bà T1 chưa thanh toán theo hợp đồng mua bán thức ăn được giao kết bằng lời nói giữa ông V và bà T1. Về phía bà T1 không thừa nhận giữa bà và ông V có phát sinh giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm nên số nợ 140.758.000 đồng không phải của bà và bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

[2.2] Ông V cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của ông là Biên nhận đề ngày 14/9/2022, ông V thừa nhận nội dung biên nhận do ông V viết, riêng dòng chữ “vụ tôm sau 2 đợt sau T1 – Nguyễn Thị T1” là do bà T1 viết. Xét thấy, trong nội dung “Biên nhận” không có nội dung nào thể hiện bà T1 thừa nhận nợ hay xác nhận nợ. Mặt khác, bà T1 cho rằng bà có trả 02 lần tiền cho ông V mà là trả nợ thay cho con của bà là ông Đoàn Vũ B. Bà T1 thừa nhận có ký và viết dòng chữ: “vụ tôm sau 2 đợt sau T1 – Nguyễn Thị T1”, còn nội dung phía trên bà T1 không viết, bà chỉ thay mặt con bà là ông Đoàn Vũ B để trả nợ 25.978.000 đồng, bà ký xác nhận bà trả trước 23.0000.000 đồng, sau đó bà trả thêm 2.978.000 đồng nên ông V viết mặt sau biên nhận nợ. Về phía

ông V có lời khai tại phiên tòa sơ thẩm thừa nhận ngày 14/9/2022 ông V viết biên nhận và ngày 14/10/2022 bà T1 trả 23.000.000 đồng mới kêu bà T1 ký tên vào Biên nhận ngày 14/9/2022.

[2.3] Căn cứ Biên bản xác minh ngày 08/8/2025 đối với ông Nguyễn Văn C, chức vụ Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh trật tự của ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (bút lục G) ông C thể hiện: Bà T1 và ông T2 không có mua bán thức ăn và thuốc thủy sản (vật tư nuôi tôm) với ông V. Ông T2 và bà T1 chỉ nuôi tôm quảng canh số lượng ít. Ông C có biết ông Đoàn Vũ B con ruột của ông T2 và bà T1 mới là người trực tiếp nuôi tôm và mua thức ăn của ông Phạm Minh V.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/8/2025 (bút lục 80) đối với ông Phan Văn G thể hiện: Trước đây ông G làm công cho ông V, nhiệm vụ là chở thức ăn và vật tư nuôi tôm cho ông V. Thời gian làm công cho ông V ông G có chở thức ăn và thuốc thủy sản cho ao nuôi của ông Đoàn Vũ B, khi ông G chở hàng đến ao của ông B thì ông B ký tên nhận hàng. Ông G không có giao hàng cho ông T2 và bà T1.

[2.4] Bà T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: tờ xác nhận chứng thực ngày 24/7/2025 của Nguyễn Văn C1, tờ xác nhận chứng thực ngày 25/7/2025 của Huỳnh Thị Mỹ L, tờ xác nhận chứng thực ngày 23/6/2025 của Lê Xuân H, tờ xác nhận chứng thực ngày 23/6/2025 của Lê Văn D, tờ xác nhận chứng thực ngày 06/8/2025 của Đỗ Văn V1 những người này đều xác nhận bà Nguyễn Thị T1 và ông Đoàn Văn T2 không có nuôi tôm công nghiệp và không có mua bán thức ăn nuôi tôm của ông Phạm Minh V. Xét lời trình bày của những người này phù hợp với lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị T1, phù hợp với lời trình bày của ông C và ông G. Như vậy, việc bà T1 không thừa nhận có nợ tiền mua bán thức ăn với ông V là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Minh V.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Minh V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 50/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do kháng cáo của ông V không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Minh V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp ngày 09/9/2025 theo biên lai thu số 0002602 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TATC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng GDKTNV&THA TAND TVL;
- TAND khu vực K - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung